

Bản án số: 278/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-3-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quang Việt

Ông Hà Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 449/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà PXN, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HL, xã X, huyện L, tỉnh L

Địa chỉ liên lạc: 58/32/6A, đường 9, tổ 8, khu phố 1, phường L, thành phố T, Thành phố H

Bị đơn: Ông BQP, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Quốc tịch: CHLB Đức

Địa chỉ: Poststrasse 9, 3400 Burgdorf- CH Schweiz

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai nguyên đơn bà PXN trình bày:

Bà và ông BQP đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174/2014, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp ngày 18 tháng 11 năm 2014. Sau khi kết hôn ông BQP trở về CHLB Đức sinh sống. Vì công việc bà và ông BQP không có thời gian dành cho nhau, cũng vì khoảng cách địa lý

vợ chồng ít liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông BQP.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Bà xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt bị đơn ông Bui Quang Paul trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà PXN vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Ông xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bà PXN và ông BQP có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông BQP.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà PXN và ông BQP có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174/2014, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp ngày 18 tháng 11 năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà PXN, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông BQP định cư ở Cộng hòa Liên bang Đức. Sau khi kết hôn vợ chồng sống xa cách cả hai không có thời gian dành cho nhau, cũng vì khoảng cách địa lý vợ chồng ít liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn. Do vậy bà PXN xác nhận không còn tình cảm với ông BQP nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía ông P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà PXN. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà N xin ly hôn ông P là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm Xuân Ngân là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà PXN và ông BQP.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà PXN chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0092741 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- UBND tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Việt

Hà Đức Kiên